

Số: 25/2025/QĐST-LĐ

Dĩ An, ngày 05 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

Thư ký phiên họp: Bà Đỗ Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 09/2025/TLST-VLĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 03/2025/QĐST-LĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc lao động:** Bà Trần Thị M, sinh năm 1984; Thường trú: Khu dân cư N, khu phố Đ, phường Á, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Công ty TNHH A; địa chỉ: Số A, Lô N, đường Đ, khu công nghiệp S, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà FANG WU, SHIEH- LI, sinh năm 1952; địa chỉ liên lạc: Số A, Lô N, đường Đ, khu công nghiệp S, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Chức vụ: Tổng giám đốc. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bà Trần Thị T, sinh năm 1986; Thường trú: thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội thành phố D; địa chỉ: Đường T, Khu T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T1, sinh năm 1988; địa chỉ: Số A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Trần Thị M trình bày:

Từ tháng 08/2002 đến tháng 02/2006, bà M có làm việc tại Công ty TNHH Q, địa chỉ: Số A đường T, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương và có đóng bảo hiểm xã hội số: 9102073313. Từ tháng 06/2004, bà M tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện và đóng bảo hiểm xã hội số: 3021786325. Nay bà Trần Thị M được nhân viên Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện thông tin bảo hiểm của bà M bị trùng. Lý do bị trùng bảo hiểm: Em gái của bà M – Trần Thị T (sử dụng thông tin của bà M – Trần Thị M) giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH A khoảng từ tháng 5/2003 đến tháng 6/2004. Cùng thời gian đó, bà M giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Q đến khoảng tháng 02 năm 2006 thì bà M nghỉ việc. Do đó, bà M bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 5/2003 đến tháng 6/2004 tương đương với thời gian bà T mượn hồ sơ lao động của bà M. Vào thời điểm năm 2003, bà T chưa đủ 18 tuổi nên không đủ điều kiện để ứng tuyển lao động. Bà M và bà T là chị em với nhau nên bà M mới hỗ trợ cho bà T mượn thông tin cá nhân làm hồ sơ lao động. Vì cả hai không hiểu biết về pháp luật, chỉ nghĩ đến cách tìm kế sinh nhai nên mới để lại hậu quả pháp lý như ngày hôm nay.

Vì vậy, bà M yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị M và Công ty TNHH A là vô hiệu. Ngoài ra, bà M không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu cũng như không có yêu cầu gì khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T trình bày:*

Bà T và bà Trần Thị M là chị em. Khoảng năm 2003 bà T chưa làm chứng minh nhân dân và chưa đủ tuổi để đi xin việc, do hoàn cảnh nhà nghèo, buộc phải kiếm tiền phụ giúp gia đình nên bà T đã sử dụng thông tin của bà M để vào làm việc tại Công ty TNHH A và giao kết hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm xã hội trong khoảng thời gian từ tháng 5/2003 đến tháng 6/2004.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi của bà M, bà T cũng đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An tuyên bố Hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị M và Công ty TNHH A vô hiệu. Ngoài ra, bà T không có yêu cầu gì trong vụ việc này.

- *Ông Dương Văn T1 là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương (viết tắt là BHXH) trình bày:*

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH A cho người lao động thì Công ty TNHH A có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho Bà Trần Thị M sinh năm 1984, số CCCD 030184012054, với mã số BHXH 9103055735 có quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 05/2003 đến tháng 06/2004 chưa nhận trợ cấp BHXH một lần.

Ngoài ra, qua tra cứu dữ liệu, BHXH thành phố D còn phát hiện Bà Trần Thị M còn có mã số 9102073313 từ tháng 10/2002 đến tháng 03/2006 tại Công ty TNHH Q.

- Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Trần Thị M và Công ty TNHH A, đề nghị Tòa án Nhân dân thành phố Dĩ An căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

- Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Trần Thị M, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này.

- Về các yêu cầu khác của bà Trần Thị M, BHXH không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH A trình bày:

Vào năm 2014 một vài cuộc biểu tình đã diễn ra tại Bình Dương. Một số thành phần cực đoan kích động nhân cơ hội này đột nhập, phá hoại tài sản, đốt nhà xưởng và lấy đi một số máy móc thiết bị, máy tính văn phòng, đa số chứng từ, dữ liệu lưu trữ ở thời điểm này đều bị thiêu rụi trong đó có dữ liệu nhân sự. Vì vậy, Công ty TNHH A không còn căn cứ để cung cấp thông tin và không có ý kiến về đơn yêu cầu của bà Trần Thị M.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Trần Thị M là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người yêu cầu bà Trần Thị M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T, Công ty TNHH A, Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Trong thời gian từ tháng 5/2003 đến tháng 6/2004, người lao động tên Trần Thị M, sinh năm 1984, số căn cước công dân 030184012054 được Công ty TNHH A tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 9103055735, dựa trên hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH A và bà M trong thời gian từ tháng 5/2003 đến tháng 6/2004, hai bên ký kết hợp đồng lao động. Tuy nhiên, bà Trần Thị M và bà Trần Thị T thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH A và thực tế làm việc tại Công ty TNHH A trong khoảng thời gian từ tháng 5/2003 đến tháng 6/2004 theo hợp đồng lao động là bà Trần Thị T chứ không phải bà Trần Thị M do bà T mượn chứng minh nhân dân, giấy tờ của bà M để đi làm việc. Đối với bà M trong thời gian này đang thực tế làm việc tại Công ty TNHH Q. Do bà T chưa đủ tuổi nên bà M đã cho bà T mượn chứng minh nhân dân để đi làm việc. Trình bày của bà M và bà T phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội thể hiện trong thời gian từ tháng 10/2002 đến tháng 03/2006, bà M có quá trình tham gia bảo hiểm tại Công ty TNHH Q. Xét, việc bà T lấy tên bà M để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994.

[3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội thành phố D cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Trần Thị M bị trùng từ tháng 5/2003 đến tháng 6/2004. Công ty TNHH A không có ý kiến về yêu cầu của bà Trần Thị M. Do đó, bà M yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH A với bà Trần Thị M vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[5] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về lệ phí: Bà Trần Thị M phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 33, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 136, 142 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994;
- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Trần Thị M.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị M với Công ty TNHH A bị vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2/ Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Trần Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0007660 ngày 03/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3/ Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4/ Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA DS TP.Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Mỹ Thanh